

**CÔNG TY CỔ PHẦN TINH HOA GỐM VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TINH HOA GỐM VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAMESE CERAMIC ESSENCE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETCERAESSENCE., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110334735

**3. Ngày thành lập:** 26/04/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 442, thôn Ngã Tư, Xã Sơn Đồng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0904413310

Fax:

Email:

Website: *HieuNT122@gmail.com*

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4330     |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4390     |
| 3.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>( Không bao gồm động vật hoang dã theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4620     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và nội thất tương tự<br>Hàng gốm, sứ, thủy tinh; giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; văn phòng phẩm                                                                                                                                                                                                            | 4649     |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4663     |
| 6.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>Tư vấn lập thiết kế quy hoạch xây dựng<br>Thiết kế kiến trúc cảnh quan, thiết kế nội thất, đánh giá kiến trúc công trình, thẩm tra thiết kế kiến trúc.<br>Tu bổ di tích: Lập quy hoạch tu bổ di tích; Lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích; Tư vấn, giám sát thi công tu bổ di tích | 7110     |
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>Hoạt động trang trí nội ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7410     |
| 8.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1622     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1623        |
| 10. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1629        |
| 11. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2391        |
| 12. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2392        |
| 13. | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2393(Chính) |
| 14. | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2396        |
| 15. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết:<br>Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (trừ cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh);<br>Cửa hàng ăn uống thuộc chuỗi cửa hàng ăn nhanh; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác                                                                                                                            | 5610        |
| 16. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br>Chi tiết:<br>Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác....                                                                                                      | 5621        |
| 17. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5629        |
| 18. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết:<br>Quán rượu, bia, quầy bar (các quán rượu phục vụ khách hàng uống tại chỗ: rượu mạnh, rượu vang, rượu cocktail, bia các loại...)<br>Quán cà phê, giải khát                                                                                                                                                                           | 5630        |
| 19. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7729        |
| 20. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3100        |
| 21. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4101        |
| 22. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4102        |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                    | 4759        |
| 24. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;<br>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tính ngưỡng khác;<br>Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

Thời gian đăng từ ngày 27/04/2023 đến ngày 27/05/2023

8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông           | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN THỊ<br>VÂN     | Cụm 6, Xã Tân<br>Lập, Huyện Đan<br>Phượng, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam        | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 5.000         | 50.000.000               | 5,000        | 0011900531<br>75                                                                                                       |            |
|     |                       |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                    | Tổng số                            | 5.000         | 50.000.000               | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHẠM THỊ<br>MAI QUYÊN | Thôn Ngã Tư, Xã<br>Sơn Đồng, Huyện<br>Hoài Đức, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 5.000         | 50.000.000               | 5,000        | 0381850204<br>27                                                                                                       |            |
|     |                       |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                    | Tổng số                            | 5.000         | 50.000.000               | 5,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                       |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                      |                           |        |             |        |                  |
|---|-------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN HỮU PHƯỚC  | Cụm 6, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam      | Cổ phần phổ thông         | 45.000 | 450.000.000 | 45,000 | 0010860097<br>23 |
|   |                   |                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                      | Tổng số                   | 45.000 | 450.000.000 | 45,000 |                  |
| 4 | NGUYỄN TRUNG HIẾU | Thôn Ngã Tư, Xã Sơn Đồng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 45.000 | 450.000.000 | 45,000 | 0010830090<br>51 |
|   |                   |                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                   |                                                                      | Tổng số                   | 45.000 | 450.000.000 | 45,000 |                  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN TRUNG HIẾU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/02/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001083009051

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ngã Tư, Xã Sơn Đông, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Ngã Tư, Xã Sơn Đông, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội